

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HS-ST
Ngày: 18-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Ngô Trọng T** - sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn K và bà: Đặng Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19-12-2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Ngô Văn L** - sinh năm 1992 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12 – là Đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ P thuộc Đảng bộ xã H, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn A và bà: Vũ Thị B; chưa có vợ,

con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19-12-2017, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

Anh Phạm Văn H.

Anh Vũ Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18-12-2017, tổ công tác Công an phường T, thành phố Đ làm nhiệm vụ tại khu vực ngã 3 T + L, phường N, thành phố Đ phát hiện Ngô Trọng T điều khiển xe máy BKS: 18D1-324.48 chở Ngô Văn L ngồi sau có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra L tự giác lấy từ tay phải giao nộp cho tổ công tác 01 gói ni lông màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng (T và L khai là ma túy đá). Tổ công tác đã niêm phong vật chứng rồi đưa T và L cùng người làm chứng về trụ sở Công an phường lập biên bản bắt người có hành vi phạm pháp quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của T một xe máy BKS: 18D1-324.48, thu giữ của T và L mỗi người 01 chiếc điện thoại di động Iphone (đều đã cũ).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định đã trưng cầu giám định vật chứng thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 1041/GĐKTHS ngày 21-12-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Vật chứng thu giữ của Ngô Trọng T và Ngô Văn L là chất ma túy, loại chất ma túy là Methamphetamine, có khối lượng 1,706 gam (một phẩy bảy không sáu gam).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Ngô Trọng T và Ngô Văn L khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để cùng sử dụng, đồng thời khai nhận về nguồn gốc gói ma túy như sau: Khoảng 20 giờ ngày 18-12-2017, T đi xe máy BKS: 18D1-324.48 đến nhà L và rủ L lên thành phố Nam Định chơi, L đồng ý. T đi xe máy chở L lên thành phố Đ, trên đường đi T rủ L mua ma túy đá để cả hai cùng sử dụng, L đồng ý. T bảo không có tiền, L nói có 200.000 đồng. T chở L đến khu vực Ga trên đường N, thành phố Đ gặp và mua của một nam thanh niên không rõ lai lịch, địa chỉ một gói ma túy đá với giá 200.000 đồng. L và T cầm gói ma túy đi về tìm nơi sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Đối với đối tượng đã bán gói ma túy cho T và L, tài liệu Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ kết luận nên đã tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với chiếc xe máy BKS: 18D1-324.48 đã thu giữ của T hiện chưa xác minh được nguồn gốc nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 124/CT-VKSTPNĐ ngày 30-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L tại phiên tòa thể hiện hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Ngô Trọng T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù; xử phạt bị cáo Ngô Văn L từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L nói lời sau cùng: Xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18-12-2017, Ngô Trọng T và Ngô Văn L đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,706 gam Methamphetamine mục đích để cùng sử dụng thì bị bắt quả tang tại khu vực ngã 3 T + L, phường N, thành phố Đ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; khối lượng Methamphetamine các bị cáo tàng trữ mục đích để sử dụng là 1,706 gam nên các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về cá thể hóa hình phạt: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm. Xét vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng; bị cáo Ngô Trọng T là người khởi xướng và chuẩn bị phương tiện đi mua ma túy, bị cáo Ngô Văn L là người bỏ tiền và trực tiếp mua ma túy để hai bị cáo sử dụng chung, nên vai trò, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo là ngang nhau.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện tội phạm, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Ngô Trọng T do gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội bị cáo được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Ngô Văn L đã có thời gian phục vụ trong quân đội, là Đảng viên nên các bị cáo sẽ được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14 quy định áp dụng các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo hướng có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét các bị cáo phạm tội lần đầu, khối lượng ma túy các bị cáo tàng trữ không lớn, các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt

các bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy đã thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng trắng (đã cũ) thu giữ của các bị cáo xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử sẽ trả lại cho các bị cáo, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- *Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14.*

- *Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999.*

- *Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Xử phạt bị cáo Ngô Trọng T 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 19-12-2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn L 12 (Mười hai) tháng tù.

Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 19-12-2017.

2. Xử lý vật chứng:

- *Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.*

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ.

Trả lại cho bị cáo Ngô Trọng T 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng (đã cũ) số IMel 359242066175196 song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Ngô Văn L 01 điện thoại di động Iphone màu vàng trắng (đã cũ) số IMel 35200206934203 song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15-3-2018).

3. Án phí:

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Ngô Trọng T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Văn L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Ngô Trọng T và Ngô Văn L được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Phạm Thị Thu Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ